BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2025/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định phương pháp xác định chi phí phát điện của nhà máy điện trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh đối với một số loại hình nhà máy điện

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi phí phát điện của nhà máy điện trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh đối với một số loại hình nhà máy điện.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết khoản 4 Điều 51 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 về phương pháp xác định chi phí phát điện của nhà máy điện trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh.

2. Thông tư này áp dụng đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các nhà máy điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh gồm:

a) Nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu;

b) Nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu để hỗ trợ điều tiết hệ thống theo danh sách do Bộ Công Thương quy định;

c) Nhà máy điện khác không xác định được giá dịch vụ phát điện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu* là nhà máy thủy điện trong danh mục nhà máy điện lớn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2016 hoặc quyết định thay thế.

2. *Năm N* là năm dương lịch tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. *Năm N-1* là năm dương lịch liền trước năm N.

4. *Năm N-2* là năm dương lịch liền trước năm N-1.

Chương II
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ PHÁT ĐIỆN HẰNG NĂM

Điều 3. Nguyên tắc xác định chi phí phát điện hằng năm

Chi phí phát điện hằng năm của các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ cần thiết để sản xuất kinh doanh điện phù hợp với các loại hình công nghệ của nhà máy, không bao gồm lợi nhuận định mức xác định theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.

Điều 4. Phương pháp xác định chi phí phát điện hằng năm

1. Tổng chi phí phát điện năm N (C_N) của nhà máy được xác định theo công thức sau:

$$C_N = C_{VL} + C_{TL} + C_{KH} + C_{DVMN} + C_{SCL} + C_{TC} + C_K + C_{NL} + C_{GT}$$

Trong đó:

C_{VL}: Chi phí vật liệu năm N (đồng);

C_{TL}: Chi phí tiền lương năm N (đồng);

C_{KH}: Chi phí khấu hao tài sản cố định năm N (đồng);

C_{DVMN}: Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (đồng);

C_{SCL}: Chi phí sửa chữa lớn năm N (đồng);

C_{TC}: Chi phí tài chính năm N (đồng);

C_{K}: Chi phí bằng tiền khác năm N (đồng);

C_{NL}: Chi phí nhiên liệu năm N (đồng);

C_{GT}: Các khoản giảm trừ năm N (đồng).

a) C_{VL}: Chi phí vật liệu năm N (đồng), được xác định trên cơ sở số liệu đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm N-2, loại trừ các chi phí đột biến bất thường của năm N-2 (nếu có), tính trượt giá từng năm theo bình quân chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của 3 năm gần nhất trước đó tại thời điểm xây dựng chi phí phát điện được cơ quan thống kê trung ương công bố và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm N nhưng chưa được tính hoặc chưa được tính đầy đủ cho năm N-2;

b) C_{TL}: Chi phí tiền lương năm N (đồng) bao gồm tổng chi phí tiền lương và các khoản chi phí có tính chất lương như an toàn điện, chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) C_{KH}: Chi phí khấu hao tài sản cố định năm N (đồng), được xác định trên cơ sở giá trị tài sản cố định hiện có và dự kiến đưa vào sử dụng trong năm N theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

d) C_{DVMN}: Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (đồng)

Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N không bao gồm chi phí điện mua, được xác định trên cơ sở số liệu đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm N-2,

loại trừ các chi phí đột biến bất thường của năm N-2 (nếu có), tính trượt giá từng năm theo bình quân CPI của 03 năm gần nhất trước đó tại thời điểm xây dựng giá được cơ quan thống kê trung ương công bố và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm N nhưng chưa được tính hoặc chưa được tính đầy đủ cho năm N-2;

đ) C_{SCL}: Chi phí sửa chữa lớn năm N (đồng), được xác định trên cơ sở dự toán các hạng mục sửa chữa lớn năm N do cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) C_{TC}: Chi phí tài chính năm N (đồng)

Chi phí tài chính năm N bao gồm tổng chi phí lãi vay, trái phiếu, thuê tài chính và các khoản phí để vay vốn, phải trả trong năm N, được xác định theo các hợp đồng, các tài liệu có tính pháp lý, dự kiến các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm N; chênh lệch tỷ giá được xác định theo quy định về tài chính kế toán (nếu có);

g) C_K: Chi phí bằng tiền khác năm N (đồng)

Chi phí bằng tiền khác năm N là các chi phí bao gồm: Chi phí thuê đất, thuế tài nguyên, tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, các loại thuế, phí, tiền ăn ca theo quy định và các khoản chi phí khác bằng tiền.

Chi phí thuê đất, thuế tài nguyên, tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, các loại thuế, phí, tiền ăn ca được xác định theo quy định hiện hành.

Các khoản chi phí khác bằng tiền năm N của nhà máy được xác định trên cơ sở số liệu đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm N-2, loại trừ các chi phí đột biến bất thường của năm N-2 (nếu có), tính trượt giá từng năm theo bình quân CPI của 3 năm gần nhất trước đó tại thời điểm xây dựng chi phí phát điện được cơ quan thống kê trung ương công bố và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm N nhưng chưa được tính hoặc chưa được tính đầy đủ cho năm N-2;

h) C_{NL}: Chi phí nhiên liệu năm N (đồng), được xác định trên cơ sở thông số đầu vào sử dụng trong lập kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm N và/hoặc hợp đồng mua bán nhiên liệu;

i) C_{GT}: Các khoản giảm trừ chi phí giá thành từ khoản thu do thanh lý nhượng bán vật tư tài sản cố định dự kiến năm N (đồng).

2. Đối với các chi phí được xác định căn cứ trên cơ sở số liệu đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm N-2, trong trường hợp có số liệu đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm N-1, áp dụng tính toán các chi phí này căn cứ trên số liệu đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm N-1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm xây dựng chi phí năm N đối với các nhà máy điện hạch toán phụ thuộc mới đưa vào vận hành hoặc mới được chuyển giao.

3. Trường hợp việc sửa chữa lớn của các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này được thực hiện tập trung thông qua một đơn vị sửa chữa hạch toán phụ thuộc trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chi phí của đơn vị này được xác định tương tự các nhà máy điện hạch toán phụ thuộc khác quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Tài liệu phục vụ tính toán chi phí phát điện hằng năm

1. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này đến ngày 30 tháng 9 và ước thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm N-1, bao gồm:

a) Báo cáo sản lượng điện năng giao nhận, suất tiêu hao nhiên liệu bình quân thực hiện năm N-1;

b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: chi phí của các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này thực hiện đến hết ngày 30 tháng 9 và ước thực hiện của nhà máy điện đến hết ngày 31 tháng 12 năm N-1.

2. Thuyết minh và tính toán chi phí năm N của các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này bao gồm:

a) Thuyết minh và bảng tính chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác ước thực hiện của năm N-1 và dự kiến của năm N theo quy định tại các điểm a, d và điểm g khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

b) Thuyết minh và bảng tính chi phí tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

c) Thuyết minh và bảng tính chi phí sửa chữa lớn trong năm N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

d) Thuyết minh và bảng chi tiết chi phí khấu hao, chi phí tài chính trong năm N theo quy định tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3. Các tài liệu kèm theo gồm:

a) Báo cáo tài chính năm N-2 đã được kiểm toán do đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo thuyết minh;

b) Bảng tổng hợp về số lao động năm N-1 và kế hoạch năm N;

c) Báo cáo về việc thực hiện sửa chữa lớn năm N-1 và dự kiến năm N;

d) Hợp đồng mua bán nhiên liệu và các tài liệu có liên quan khác.

4. Trong trường hợp có báo cáo tài chính được kiểm toán năm N-1, các số liệu năm N-1 quy định tại khoản 2 Điều này được cập nhật theo số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán năm N-1.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về điện lực tại Bộ Công Thương

1. Rà soát chi phí phát điện hằng năm các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này trong phương án giá điện.

2. Hướng dẫn và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình tính chi phí phát điện hằng năm của các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

2. Bãi bỏ Thông tư số 26/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xác định chi phí hàng năm và giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu.

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 09/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tính toán giá bán điện bình quân./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Thanh Hoài

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng